

Bản án số: **24/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 24/6/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Đình Chính và ông Vũ Đức Thuận

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 03 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 25/2020/TB - XX ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 04, phường Y, thành phố Y, tỉnh Y

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 03 năm 2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Chị M và anh Nguyễn Thành T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 12-09-2005 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 05/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị M trình bày, chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh T làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều người, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi chửi nhau... Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

\* Về nuôi con: Chị M và anh T có 02 con là cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 30-07-2006 và cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 09-8-2010, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

\* Về chia tài sản, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thành T vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T cố tình lẩn tránh, không đến làm việc, cũng không giao nộp cho Tòa án bất cứ văn bản, tài liệu gì thể hiện ý kiến của anh đối với việc giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết quyền nuôi con với anh Nguyễn Thành T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Nguyễn Thành T có hộ khẩu thường trú tại tổ 04, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thành T vắng mặt. *Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.*

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thành T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12-09-2005 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 05 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị M trình bày là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh T làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều người, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đến hòa giải, nhưng anh T không đến, thể hiện anh T không có thiện chí hoà giải. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị M, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh T có 02 con, là cháu Nguyễn Trọng N và cháu Nguyễn Thị Thu T, hiện đang ở cùng chị M. Nguyên vọng của chị M

là được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con; đồng thời cả hai cháu N và T đều có đơn nguyện vọng thể hiện mong muốn được ở với chị M. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đến hòa giải về việc nuôi con, nhưng anh T không đến, cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về việc nuôi con. Do đó, cần giao hai cháu N, T cho chị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị M không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

**2. Về nuôi con:** Giao cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 30-7-2006 và cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 09-8-2010 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005334 ngày 04-03-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND p.Yên Thịnh, tp Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thủy**



